

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - ĐBCLT

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc	DHA0222103	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
2	Sản xuất thuốc 1	DHA0102082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
3	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)	DHA0703122	9	9	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
4	Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng	DHA0101092	9	9	2	30	30			
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						107	107	224	12	
6	Chuyên đề tự chọn	DHA0099056	10	10	6					
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						150	150	0	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DL-DCT

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu	DHA0101072	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc	DHA0222103	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Sản xuất thuốc 1	DHA0102082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Trồng và phát triển cây thuốc	DHA0417052	9	9	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
5	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	DHA0406032	9	9	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
6	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						113	113	284	0	
7	Chuyên đề tự chọn	DHA0099044	10	10	4					
8	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						14	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - QLKTD

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)	DHA0703122	9	9	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc	DHA0222103	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Sản xuất thuốc 1	DHA0102082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	DHA0505092	9	9	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
5	Dịch tễ dược trong NC cộng đồng	DHA0703172	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
6	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
7	Chuyên đề tự chọn	Cộng: DHA0099044	10	10	15	111	111	276	12	
8	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	4	150	150			
Cộng:					14	150	150	0	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DLS

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	DHA0505103	9	9	3			48	42	90 / (3 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất nguyên liệu làm thuốc	DHA0222103	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Sản xuất thuốc 1	DHA0102082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	DHA0505092	9	9	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						67	67	304	42	
6	Chuyên đề tự chọn	DHA0099044	10	10	4					
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						14	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - CND

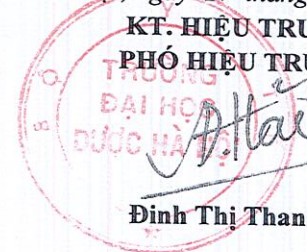
NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	DHA0222013	9	9	3	33	33	24		24 / (8 tuần)
2	Sản xuất thuốc 2	DHA0102093	9	9	3	29	29	32		32 / (4 tuần)
3	Mỹ phẩm	DHA0101082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng	DHA0101092	9	9	2	30	30			
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						14	112	112	256	0
6	Chuyên đề tự chọn	DHA0099035	10	10	5					
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						15	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - ĐBCLT

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Pháp chế dược	DHA0703272	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch SH	DHA0611103	7	7	3	37	37	16		20 / (5 tuần)
6	Kiểm nghiệm DP	DHA0611053	7	7	3	25	25	40		40 / (10 tuần)
Cộng:					17	181	181	128	20	
7	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
8	Thực hành dược khoa/ Thực tế 1	DHA0099162	8	8	2			90		90 / (3 tuần)
9	Điện di và điện di mao quản	DHA0611252	8	8	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
10	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
12	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	DHA0208032	8	8	2	30	30			
13	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	DHA0406032	8	8	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					18	170	170	218	12	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DL-DCT

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Pháp chế dược	DHA0703272	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Đa dạng sinh học cây thuốc	DHA0417022	7	7	2	18	18	16	8	24 / (6 tuần)
6	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
7	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN	DHA0406042	7	7	2	30	30			
Cộng:					17	183	183	116	28	
8	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
9	Thực hành dược khoa/ Thực tế 1	DHA0099162	8	8	2			90		90 / (3 tuần)
10	Thực vật dân tộc học ứng dụng	DHA0417062	8	8	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
11	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
12	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
13	Phương thuốc cổ truyền	DHA0404062	8	8	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
14	Dược lý - Dược cổ truyền	DHA0404052	8	8	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
Cộng:					18	170	170	186	44	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - QLKTD

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Pháp chế dược	DHA0703272	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
6	Dược cộng đồng	DHA0703182	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
7	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					17	179	179	116	36	
8	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
9	Thực hành dược khoa/ Thực tế 1	DHA0099162	8	8	2			90		90 / (3 tuần)
10	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
12	Marketing Dược	DHA0703062	8	8	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
13	Kinh tế dược	DHA0703193	8	8	3	35	35		20	20 / (5 tuần)
Cộng:					17	159	159	178	44	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DLS

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Pháp chế dược	DHA0703272	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Bệnh gây ra do thuốc	DHA0507142	7	7	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
6	Hóa sinh lâm sàng	DHA0315032	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
7	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					17	183	183	116	28	
8	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
9	Thực hành dược khoa/ Thực tế 1	DHA0099162	8	8	2			90		90 / (3 tuần)
10	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
12	Dược lý lâm sàng	DHA0507063	8	8	3	41	41		8	8 / (2 tuần)
13	Dược cộng đồng	DHA0703182	8	8	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
Cộng:					17	163	163	194	20	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - CND

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Pháp chế dược	DHA0703272	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Một số quá trình và thiết bị trong CNDP	DHA0222033	7	7	3	45	45			
6	Kiểm nghiệm DP	DHA0611053	7	7	3	25	25	40		40 / (10 tuần)
Cộng:						17	189	189	112	20
7	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
8	Thực hành dược khoa/ Thực tế 1	DHA0099162	8	8	2			90		90 / (3 tuần)
9	Kỹ thuật hóa dược	DHA0222023	8	8	3	33	33	24		24 / (8 tuần)
10	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
12	Sản xuất thuốc 1	DHA0102082	8	8	2	20	20	20		20 / (4 tuần)
Cộng:						17	153	153	222	12

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHỐ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 78

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DHA0812092	5	5	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Hoá sinh	DHA0315013	5	5	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
3	Dược liệu 1	DHA0406013	5	5	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
4	Hoá dược 1	DHA0208013	5	5	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
5	Bệnh học	DHA0521104	5	5	4	46	46	12	16	28 / (7 tuần)
6	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	DHA0703392	5	5	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
Cộng:						17	187	187	96	32
7	Dược động học	DHA0507022	6	6	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
8	Dược liệu 2	DHA0406022	6	6	2	20	20	16	4	20 / (5 tuần)
9	Quản lý học đại cương	DHA0703222	6	6	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
10	Dược lý 1	DHA0507113	6	6	3	33	33	20	4	20 / (5 tuần)
11	Hoá dược 2	DHA0208103	6	6	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DHA0812072	6	6	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
13	Tiếng Anh chuyên ngành	DHA0813042	6	6	2	30	30			
Cộng:						16	175	175	80	41

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 79

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tiếng Anh 2	DHA0813143	3	3	3	45	45			
2	Hóa hữu cơ 2	DHA0210022	3	3	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
3	Hóa phân tích 1	DHA0611023	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
4	Giáo dục thể chất 3 *	DHA0816031	3	3	1			15		15 / (8 tuần)
5	Giải phẫu sinh lý	DHA0521034	3	3	4	46	46	28		28 / (7 tuần)
6	Vi sinh - Ký sinh trùng 1	DHA0320042	3	3	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
7	Kinh tế chính trị Mác Lênin	DHA0812062	3	3	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
Cộng:						16	196	196	87	8
8	Chuyên đề tự chọn (KT đại cương)	DHA0099182	4	4	2					
9	Hóa phân tích 2	DHA0611033	4	4	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
10	Sinh lý bệnh miễn dịch	DHA0521112	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
11	Hóa lý dược	DHA0118013	4	4	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
12	Giáo dục quốc phòng an ninh*	DHA0099398	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
13	Vi sinh - Ký sinh trùng 2	DHA0320052	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
14	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DHA0812052	4	4	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
Cộng:						14	219	219	132	24

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 80

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tin học ứng dụng	DHA0819092	1	1	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
2	Thống kê Dược	DHA0819102	1	1	2	30	30			
3	Giáo dục thể chất 1 *	DHA0816011	1	1	1			15		15 / (8 tuần)
4	Hóa đại cương vô cơ	DHA0809063	1	1	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
5	Đại cương sinh học phân tử tế bào	DHA0320062	1	1	2	30	30			
6	Nhập môn dược khoa	DHA0099072	1	1	2	12	12	36		36 / (9 tuần)
7	Pháp luật đại cương	DHA0703282	1	1	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
Cộng:					13	145	145	103	12	
8	Vật lý ứng dụng	DHA0824073	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
9	Tiếng Anh 1	DHA0813152	2	2	2	30	30			
10	Hóa hữu cơ 1	DHA0210013	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
11	Giáo dục thể chất 2 *	DHA0816021	2	2	1			15		15 / (8 tuần)
12	Triết học Mác Lênin	DHA0812083	2	2	3	33	33		12	12 / (3 tuần)
13	Dược xã hội học	DHA0703262	2	2	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
14	Thực vật	DHA0417013	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
Cộng:					16	194	194	75	20	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy CTĐT: CLC NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Bào chế và sinh dược học 1	DHC0101103	7	7	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
2	Pháp chế dược	DHC0703072	7	7	2	22	22	8	8	16 / (4 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHC0404072	7	7	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
4	Dược lâm sàng đại cương	DHC0505113	7	7	3	29	29	16	16	32 / (8 tuần)
5	Dược lý ứng dụng trong điều trị	DHC0507093	7	7	3	37	37	8	8	16 / (4 tuần)
6	Kiểm nghiệm	DHC0611152	7	7	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
7	Bệnh học 2	DHC0521072	7	7	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
Cộng:					17	187	187	80	56	
8	Bào chế và sinh dược học 2	DHC0101113	8	8	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
9	Quản lý cung ứng thuốc	DHC0703323	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
10	Tiếng Anh chuyên ngành 2	DHC0813082	8	8	2	30	30			
11	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	DHC0505123	8	8	3	45	45			
12	Dược lý lâm sàng	DHC0507083	8	8	3	41	41		8	8 / (2 tuần)
13	Kinh tế dược	DHC0703193	8	8	3	35	35		20	20 / (5 tuần)
Cộng:					17	215	215	52	28	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 78

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy CTĐT: CLC NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DHC0812092	5	5	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
2	Hoá sinh	DHC0315044	5	5	4	48	48	24		24 / (6 tuần)
3	Bệnh học 1	DHC0521063	5	5	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
4	Quản lý học đại cương	DHC0703222	5	5	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
5	Dược liệu 2	DHC0406022	5	5	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
6	Hoá dược 1	DHC0208043	5	5	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
Cộng:					16	173	173	84	41	
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DHC0812072	6	6	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
8	Dược động học	DHC0507022	6	6	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
9	Dược lý đại cương và Dược lý dẫn truyền	DHC0507073	6	6	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
10	Hoá dược 2	DHC0208053	6	6	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
11	Độc chất	DHC0611012	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
12	Tiếng Anh chuyên ngành 1	DHC0813072	6	6	2	30	30			
13	Dịch tễ dược cơ bản	DHC0703292	6	6	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
Cộng:					16	181	181	72	37	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký)
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 79

NGÀNH: Dược học HỆ: CQ CTĐT: LKNN-USYD NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin/ Marxist - Leninist Political Economy	DHS0812062	3	3	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3/ Physical Education 3 *	DHS0816031	3	3	1			15		15 / (8 tuần)
3	Y học cơ bản / Basic Medicine	DHS0521124	3	3	4	46	46	28		28 / (7 tuần)
4	Hóa Phân tích / Analytical Chemistry	DHS0611265	3	3	5	53	53	44		44 / (11 tuần)
5	Thực vật – Dược liệu – Dược học cổ truyền 1 / Botany - Pharmacognosy - Traditional medicine 1	DHS04040881	3	3	4	38	38	44		44 / (11 tuần)
Cộng:						15	158	158	131	9
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism	DHS0812052	4	4	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
7	Giáo dục quốc phòng-An ninh/ Defense and security education *	DHS0814018	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
8	Vi Sinh Dược / Pharmaceutical Microbiology giáo trình đại cương và các quy định trong ngành	DHS0320153	4	4	3	41	41	8		8 / (2 tuần)
9	Dược / Introduction to law and Pharmaceutical regulations	DHS0703362	4	4	2	22	22	8	8	16 / (4 tuần)
10	Hoá Dược/ Pharmaceutical Chemistry	DHS0208116	4	4	6	58	58	48	16	64 / (16 tuần)
11	Thực vật – Dược liệu – Dược học cổ truyền 2 / Botany - Pharmacognosy - Traditional medicine 2	DHS04040882	4	4	4	46	46	12	16	28 / (7 tuần)
Cộng:						17	265	265	148	65

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

- "CTĐT: LKNN-USYD": Chương trình liên kết song bằng ngành Dược học với Đại học Sydney, Úc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 80

NGÀNH: Dược học HỆ: CQ CTĐT: LKNN-USYD NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Giáo dục thể chất 1/ Physical Education 1 *	DHS0816011	1	1	1			15		15 / (8 tuần)
2	Hóa đại cương - vô cơ/ General Inorganic Chemistry	DHS0809073	1	1	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	DHS0819122	1	1	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
4	Thống kê Dược/ Pharmacy Statistics	DHS0819132	1	1	2	30	30			
5	Nhập môn Dược khoa/ Introduction to Pharmacy	DHS0099193	1	1	3	27	27	36		36 / (9 tuần)
6	Hóa sinh và sinh học phân tử tế bào 1 / Biochemistry and molecular cell biology 1	DHS03151451	1	1	2	30	30			
Cộng:					12	132	132	111	0	
7	Triết học Mác-Lênin/ Philosophy of Marxism - Leninism	DHS0812083	2	2	3	33	33		12	12 / (4 tuần)
8	Giáo dục thể chất 2/ Physical Education 2 *	DHS0816021	2	2	1			15		15 / (8 tuần)
9	Vật lý ứng dụng/ Applied Physics for Pharmacy	DHS0824082	2	2	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
10	Hóa hữu cơ/ Organic chemistry	DHS0210115	2	2	5	53	53	40	4	44 / (11 tuần)
11	Hóa sinh và sinh học phân tử tế bào 2 / Biochemistry and molecular cell biology 2	DHS03151452	2	2	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
12	Dược xã hội học / Social Pharmacy	DHS0703372	2	2	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
Cộng:					15	163	163	103	24	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

- "CTĐT: LKNN-USYD": Chương trình liên kết song bằng ngành Dược học với Đại học Sydney, Úc

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đinh Thị Thanh Hải